ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Giấy, bút, thẻ số; que đếm hoặc nắp sạch nếu cần kiểm bằng nhóm.

CÁCH TỔ CHỨC

Đọc dữ kiện, tự chọn cách làm rồi viết theo yêu cầu.

Có thể làm từng nhiệm vụ rồi nghỉ; mở đáp án sau khi đã thử.

Bài 1 · tr. 01 Chia hết theo từng hàng

Mục tiêu Chia cho số có một chữ số, giữ đúng thứ tự các hàng.

Ví dụ 156 : 3: lấy 15 chục chia 3 được 5 chục; hạ 6 đơn vị, 6 : 3 = 2. Thương là 52; 52 × 3 = 156.

Câu 1 · tr. 01 84 : 4 = 21. Kiểm: 4 × 21 + 0 = 84; 0 < 4.

LT LT1 · tr. 01 96 : 3 = 32; mỗi hộp có 32 nhãn. Kiểm: 32 × 3 = 96.

Câu 2 · tr. 02 426 : 2 = 213. Kiểm: 2 × 213 + 0 = 426; 0 < 2.

Câu 3 · tr. 02 936 : 3 = 312. Kiểm: 3 × 312 + 0 = 936; 0 < 3.

Câu 4 · tr. 02 1284 : 4 = 321; mỗi hộp có 321 nhãn. Kiểm 321 × 4 = 1284.

Khi số ở hàng đầu chưa đủ chia, xét cùng hàng kế tiếp; không bỏ chữ số hoặc hạ sai hàng.

Bài 2 · tr. 02 Giữ vị trí khi thương có 0

Mục tiêu Viết chữ số 0 đúng vị trí trong thương và kiểm bằng nhân.

Ví dụ 612 : 3 = 204. Sau khi chia 6 trăm được 2 trăm, 1 chục chia 3 được 0 chục, phải viết 0 ở thương; hạ 2 đơn vị để chia 12 cho 3.

Câu 1 · tr. 03 1020 : 5 = 204. Kiểm: 5 × 204 + 0 = 1020; 0 < 5.

Câu 2 · tr. 03 1206 : 6 = 201. Kiểm: 6 × 201 + 0 = 1206; 0 < 6.

LT LT1 · tr. 03 824 : 4 = 206. Sau 8 trăm chia 4 được 2 trăm, 2 chục không đủ chia được một chục cho mỗi phần nên viết 0 chục; hạ 4 để chia 24 đơn vị được 6. Kiểm: 206 × 4 = 824.

Câu 3 · tr. 04 10005 : 5 = 2001. Kiểm: 5 × 2001 + 0 = 10005; 0 < 5.

Câu 4 · tr. 04 24 × 4 = 96, không phải 816. Chia đúng: 8 : 4 = 2 trăm; 1 chục chia 4 được 0 chục; 16 : 4 = 4. Thương là 204; 204 × 4 = 816.

Số 0 ở thương giữ vị trí. Phân biệt thương 204 với 24 bằng giá trị hàng và phép nhân kiểm.

Bài 3 · tr. 04 Nhận biết phép chia có dư

Mục tiêu Chia thành các nhóm bằng nhau và xác định phần còn lại chưa đủ một nhóm.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Ví dụ Có 14 hạt, chia mỗi nhóm 3 hạt: lập được 4 nhóm và còn 2 hạt. Viết 14 : 3 = 4 dư 2, vì 3 × 4 + 2 = 14 và 2 < 3.

Câu 1 · tr. 04 Có 5 nhóm đủ, còn 2 que: 17 : 3 = 5 dư 2. Kiểm 3 × 5 + 2 = 17.

Câu 2 · tr. 05 29 : 4 = 7 dư 1. Kiểm: 4 × 7 + 1 = 29; 1 < 4.

Câu 3 · tr. 05 24 : 4 = 6, chia hết; 26 : 4 = 6 dư 2. Mỗi nhóm nhận 6 que, còn 2 que không thể chia đều tiếp theo đơn vị que nguyên.

Câu 4 · tr. 05 19 : 5 = 3 dư 4; đóng được 3 túi đầy, còn 4 nhãn. Không gọi túi chưa đủ 5 là túi đầy.

Nói rõ thương đếm số nhóm hay số vật mỗi nhóm. Phần dư phải nhỏ hơn số chia.

Bài 4 · tr. 05 Chia có dư và kiểm số dư

Mục tiêu Tính thương, số dư và kiểm hai điều kiện của phép chia có dư.

Ví dụ 47 : 6 = 7 dư 5. Hai điều phải kiểm là 6 × 7 + 5 = 47 và 0 ≤ 5 < 6.

Câu 1 · tr. 06 157 : 3 = 52 dư 1. Kiểm: 3 × 52 + 1 = 157; 1 < 3.

Câu 2 · tr. 06 826 : 4 = 206 dư 2. Kiểm: 4 × 206 + 2 = 826; 2 < 4.

LT LT1 · tr. 06 Đúng, vì 4 × 23 + 3 = 95 và 0 ≤ 3 < 4.

Câu 3 · tr. 07 23458 : 3 = 7819 dư 1. Kiểm: 3 × 7819 + 1 = 23458; 1 < 3.

Câu 4 · tr. 07 Số dư 8 không nhỏ hơn 5 nên còn lập thêm được một nhóm. Sửa thành 38 : 5 = 7 dư 3; 5 × 7 + 3 = 38 và 3 < 5.

Một đẳng thức kiểm đúng chưa đủ; luôn kiểm thêm 0 ≤ số dư < số chia.

Bài 5 · tr. 07 Quan hệ nhân, chia và vận dụng

Mục tiêu Dùng phép nhân kiểm phép chia và nhẩm các trường hợp đơn giản.

Ví dụ Vì 8 × 7 = 56 nên 56 : 7 = 8 và 56 : 8 = 7. Với số tròn nghìn, 12000 : 3 = 4000 vì 4 nghìn × 3 = 12 nghìn.

LT LT1 · tr. 07 63 : 7 = 9 và 63 : 9 = 7; kiểm bằng 7 × 9 = 63 và 9 × 7 = 63.

Câu 1 · tr. 08 54 : 6 = 9 và 54 : 9 = 6. Có thể chia 54 vật thành 6 nhóm, mỗi nhóm 9 vật; hoặc 9 nhóm, mỗi nhóm 6 vật.

Câu 2 · tr. 08 8000 : 4 = 2000 vì 2000 × 4 = 8000; 18000 : 3 = 6000 vì 6000 × 3 = 18000.

Câu 3 · tr. 08 43 : 6 = 7 dư 1; có 7 túi đầy, còn 1 quyển. Kiểm 6 × 7 + 1 = 43 và 1 < 6.

Câu 4 · tr. 08 43 : 6 = 7 dư 1. Bảy túi chỉ mang được 42 quyển; cần thêm một túi cho quyển còn lại, nên ít nhất 8 túi.

Cùng một phép chia có thể trả lời khác nhau tùy câu hỏi: số túi đầy là 7, số túi để mang hết là 8.